

Bản án số: 47/2025/DS – ST.

Ngày: 29/9/2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hòa Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào ngày 29/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 209/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST – DS ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

**+ Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Qu

Địa chỉ: Số xxA Pa, phường B, quận xx, thành phố Hồ Chí Minh. Nay là số xxA P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1/ Ông Phan Xuân H.(Vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Anh D.(Vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Tầng xx, tòa nhà P, số xx Ung Văn Kh, phường xx, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Nay là tầng xx, tòa nhà P, số xx Ung Văn Kh, phường Th, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Từ Thế Anh H. (Có mặt)

Địa chỉ: Tầng xx, tòa nhà P, số xx Ung Văn Kh, phường xx, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Nay là tầng xx, tòa nhà P, số xx Ung Văn Kh, phường Th, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số xx Ng, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Lê Văn C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số xx đường L, tổ dân phố xx, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay là: Số xx đường L, tổ dân phố xx, xã K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Từ Thế Anh H trình bày:

Trong thời gian từ ngày 24/4/2018 đến ngày 29/5/2018 Ngân hàng TMCP Qu (VIB) đã ký kết với ông Lê Văn C các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Ngày 24/4/2018 TMCP Qu (viết tắt là VIB) với ông Lê Văn C ký hợp đồng tín dụng số 301.HDTD.801.18 theo đó: VIB cho ông Lê Văn C vay số tiền 60.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng; thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày giải ngân đến 28/4/2021. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 18.5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong suốt thời hạn vay. Hàng tháng ông C phải thanh toán cho Ngân hàng gốc và lãi hàng tháng là: 2.184.223 đồng, ngày trả tiền là ngày 28 hàng tháng; Ngày trả đầu tiên là ngày 28/5/2018. Sau khi ký hợp đồng, cùng ngày 28/4/2018, VIB đã giải ngân cho ông Lê Văn C vay số tiền 60.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 301.KUNN.801.18

+ Ngày 29/5/2018 TMCP Qu (viết tắt là VIB) với ông Lê Văn C ký hợp đồng tín dụng số 367.HDTD.801.18 theo đó: VIB cho ông Lê Văn C vay số tiền 30.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày giải ngân đến 29/5/2021. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 22.5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong suốt thời hạn vay. Hàng tháng ông C phải thanh toán cho Ngân hàng gốc và lãi hàng tháng là: 1.153.488 đồng, ngày đến hạn trả tiền: ngày 29 hàng tháng; Ngày trả đầu tiên là ngày 29/6/2018. Sau khi ký hợp đồng, cùng ngày 29/5/2018, VIB đã giải ngân cho ông Lê Văn C số tiền 30.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 367.KUNN.801.18

Ngoài ra căn cứ Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB, Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 29/5/2018 của ông Lê Văn C, các văn bản của ông Lê Văn C ký với VIB về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 29/5/2018, VIB đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho ông Lê Văn C, chi tiết như sau: Số tài khoản thẻ 000000000153574; loại thẻ: VIB Gold; Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng; Lãi suất, phí: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Sau khi vay tiền ông C chỉ thanh toán cho Ngân hàng VIB số tiền cụ thể như sau:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 301.HDTD.801.18 ngày 24/4/2018, ông C đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 9.201.765 đồng và tiền lãi là 6.087.796 đồng. Tính đến ngày 29/9/2025 ông C còn nợ 150.110.049 đồng, trong đó nợ gốc là 50.798.235 đồng; tiền lãi trong hạn là 14.254.331 đồng; tiền lãi quá hạn là 85.057.482 đồng

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 367.HDTD.801.18 ngày 29/5/2018 ông C đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 3.783.030 đồng và tiền lãi là 3.232.971 đồng. Tính đến ngày 29/9/2025 ông C còn nợ 89.325.777 đồng, trong đó nợ gốc là 26.216.970 đồng; tiền lãi trong hạn là 9.536.368 đồng; tiền lãi quá hạn là 54.813.098 đồng

+ Đối với thẻ tín dụng số 000000000153574, ông C còn nợ tổng cộng là 76.724.088 đồng, trong đó nợ gốc là 26.979.831 đồng nợ gốc, lãi là 11.479.034 đồng; phí là 38.265.223 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi của hai hợp đồng và thẻ tín dụng là 317.400.572 đồng.

Nguyện vọng của ngân hàng là yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 317.400.572 đồng trong đó gốc là 103.995.036 đồng; lãi trong hạn là 35.269.733 đồng; lãi quá hạn và phí là 178.135.803 đồng, và phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Đối với bị đơn ông Lê Văn C sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Lê Văn C. Tuy nhiên, ông C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Lê Văn C.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắc Lắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, thư ký và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại BLTTDS. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng là vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa ông Lê Văn C vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 Điều 228 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông Lê Văn C.

+ Về nội dung:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Qu.

Buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Qu số tiền nợ gốc 103.995.036 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

#### **[1]. Về hình thức:**

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm Ngân hàng Thương mại cổ phần Qu khởi kiện, bị đơn ông Lê Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 00 L, tổ dân phố xx, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là tổ dân phố xx, xã K, tỉnh Đắk Lắk) căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Qu, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[1.3]. Về việc vắng mặt của bị đơn ông Lê Văn C: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk nhiều lần tổng đạt Giấy triệu tập đương sự, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp, phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025 cho bị đơn ông Lê Văn C, tuy nhiên ông C vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện ông C từ bỏ quyền chứng minh và không thực hiện nghĩa vụ. Do đó, HĐXX căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong vụ án để xét xử vắng mặt ông Lê Văn C theo khoản 4 Điều 91 điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2]. Về nội dung:**

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Qu về việc buộc ông Lê Văn C phải trả số tiền tổng cộng là 317.400.572 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 103.995.036 đồng, tiền lãi trong hạn là 35.269.733 đồng, tiền lãi quá hạn, phí là 178.135.803 đồng, gồm:

+ Hợp đồng tín dụng số 301.HDTD.801.18, ngày 24/4/2018, là 150.110.049đ, bao gồm: Nợ gốc 50.798.235 đồng, lãi trong hạn là 14.254.331 đồng; lãi quá hạn là 85.057.482 đồng;

+ Hợp đồng tín dụng số 367.HDTD.801.18, là 90.566.435đồng, bao gồm: Nợ gốc 26.216.970 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.536.368 đồng; tiền lãi quá hạn là 54.813.098 đồng;

+ Thẻ tín dụng số 000000000153574, là 76.724.088đồng, bao gồm: Nợ gốc là 26.979.831đồng, tiền lãi là 11.479.034.đồng; phí là 38.265.223 đồng.

HĐXX xét thấy: Ngày 24/4/2018, ông Lê Văn C ký hợp đồng tín dụng số 301.HDTD.801.18 theo đó: Ông Lê Văn C vay Ngân hàng TMCP Qu số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng (36 kỳ), thanh toán hàng tháng. Thời hạn thanh toán kể từ ngày 24/4/2018 đến ngày 28/4/2021. Lãi suất trong hạn là 18,5%/năm; ngày 29/5/2018 ông C ký Hợp đồng tín dụng số 367.HDTD.801.18 theo đó ông Lê Văn C vay Ngân hàng TMCP Qu số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng (36 kỳ), thanh toán hàng tháng. Thời hạn thanh toán kể từ ngày 29/5/2018 đến ngày 29/5/2021. Lãi suất trong hạn là 22,5%/năm. Cùng ngày ông C đã có đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế VIB Gold, căn cứ Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB, Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 29/5/2018 của ông Lê Văn C VIB đã cấp Thẻ tín dụng số 000000000153574 loại thẻ VIB Gold, hạn mức 30.000.000đ. Như vậy, Hợp đồng tín dụng số 301.HDTD.801.18, ngày 24/4/2018; Hợp đồng tín dụng số 367.HDTD.801.18, ngày 29/5/2018; Đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 29/5/2028 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Qu với ông Lê Văn C, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận về việc Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt cho ông Lê Văn C vay số tiền lần lượt là 60.000.000đồng, 30.000.000đồng và 30.000.000đồng. Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi vay ông C chỉ thanh toán cho Ngân hàng được một phần nợ gốc, cụ thể:

Đối Hợp đồng tín dụng số 301.HDTD.801.18, ngày 24/4/2018, sau khi vay ông C chỉ thanh toán cho VIB 7 kỳ với số tiền nợ gốc là 9.201.765 đồng và tiền lãi là 6.087.796 đồng, còn lại 29 kỳ (29 tháng). Tính đến ngày 29/9/2025 ông C còn nợ gốc là 50.798.235đồng, lãi trong hạn là 14.254.331đồng; lãi quá hạn là 85.057.482đồng; Hợp đồng tín dụng số 367.HDTD.801.18, sau khi vay ông C chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 6 kỳ số tiền nợ gốc là 3.783.030, tiền lãi là 3.232.971đồng và còn nợ 30 kỳ (30 tháng), tính đến ngày 29/9/2025 với số tiền nợ gốc là 26.216.970 đồng, lãi trong hạn là 9.536.368 đồng; lãi quá hạn là 54.813.098 đồng; Thẻ tín dụng số 000000000153574, ông C còn nợ gốc là 26.979.831đồng nợ gốc, lãi là 11.479.034.đồng; phí là 38.265.223 đồng. Như vậy, ông C là người đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký. Do vậy, việc Ngân hàng khởi kiện và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng yêu cầu ông C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 317.400.572đồng. Trong đó: Nợ gốc là 103.995.036đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 29/9/2025 gồm lãi trong hạn là 35.269.733đồng, tiền lãi quá hạn, phí là 178.135.803 đồng là hoàn toàn có căn theo quy định tại khoản 1 Điều 91; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần phải chấp nhận.

Đồng thời buộc ông C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là phù hợp.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện chưa nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Lê Văn Vương phải chịu 15.870.028 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Mức tính như sau:  $317.400.572 \text{ đồng} \times 5\% = 15.870.028 \text{ đồng}$ . Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Qu được chấp nhận, nên hoàn trả là cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Qu số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.614.741đ (Sáu triệu sáu trăm mười bốn nghìn bảy trăm bốn một đồng)

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tại phiên Toà là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của VKS.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; ; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 -12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Qu:

1. Buộc ông Lê Văn C phải thanh toán số cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Qu số tiền nợ gốc và tiền lãi (tiền lãi tạm tính đến ngày 29/9/2025) là 317.400.572 đ (Ba trăm mười bảy triệu, bốn trăm nghìn, năm trăm bảy hai đồng). Trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng số 301.HDTD.801.18, ngày 24/4/2018 là 150.110.049 đồng, bao gồm: Nợ gốc 50.798.235 đồng, tiền lãi trong hạn là 14.254.331 đồng; tiền lãi quá hạn là 85.057.482 đồng;

+ Hợp đồng tín dụng số 367.HDTD.801.18, là 90.566.435 đồng, bao gồm: Nợ gốc 26.216.970 đồng, tiền tiền lãi trong hạn là 9.536.368 đồng; tiền lãi quá hạn là 54.813.098 đồng;

+ Thẻ tín dụng số 000000000153574, là 76.724.088 đồng, bào gồm: Nợ gốc là 26.979.831 đồng, tiền lãi là 11.479.034.đồng; phí là 38.265.223 đồng.

Ông Lê Văn C còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh hợp đồng và theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 30/9/2025 đến ngày trả hết nợ.

## 2. Về án phí:

- Buộc ông Lê Văn C phải chịu phải chịu 15.870.028 đồng (Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn không trăm hai mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Qu số tiền 6.614.741đ (Sáu triệu sáu trăm mười bốn nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Th (nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực xx thành phố Hồ Chí Minh) theo biên lai thu số 000658 ngày 22/01/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Qu, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Lê Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk.
- Phòng THADS KV xx TP. Hồ Chí Minh.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T.M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Hiền**